

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 399/AEON/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM.**

Địa chỉ: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 6288 7711

Fax:

E-mail: qc@aeon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0311241512

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ..... Ngày Cấp/Nơi cấp: .....  
(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm.**

1. Tên sản phẩm: **BÁNH DẸO NHÂN CAO CẤP TRÂN CHÂU**

2. Thành phần: Nhân cao cấp trân châu (40%), nước đường bánh dẻo, bột nếp, dầu thực vật.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 07 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: 150 g/gói, hoặc quy cách đóng gói khác tùy theo nhu cầu thị trường và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đặt trong hộp nhựa PET, có gói hút oxy và bao gói bằng túi nhựa PP; hoặc sử dụng chất liệu bao bì khác bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: Công ty TNHH AEON Việt Nam.

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Sản xuất tại các chi nhánh, địa điểm sau:

- Trung tâm mua sắm AEON - Tân Phú Celadon, địa chỉ: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ: Số 01, đường Đại Lộ Bình Dương, khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Long Biên, địa chỉ: Số 27, đường Cổ Linh, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 01, đường số 17A, khu phố 27, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Hà Đông, địa chỉ: Trung tâm thương mại Aeonmall Hà Đông, Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: Số 10 đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Thành phố Mới Bình Dương, địa chỉ: Tầng 1, Trung tâm mua sắm SORA gardens SC, lô C19, Đại Lộ Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh AEON Nguyễn Văn Linh, địa chỉ: BF-01, Tầng hầm 1, 101 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh AEON Tạ Quang Bửu, địa chỉ: Lô L1 - 09 tại Tầng 1 và Lô L2 - 11, 12A, 12B tại tầng 2, 547 - 549 Tạ Quang Bửu, Phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: Số 08 Võ Nguyên Giáp, Phường An Cựu, Thành phố Huế, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Xuân Thủy, địa chỉ: Tầng 1, 2, 3, Số 122 - 124 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Long An, địa chỉ: Số 84 tuyến tránh quốc lộ 1, KP Bình Cư 3, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Văn Giang, địa chỉ: Lô L1-01-05, Tầng 1 và Lô L2-42-43, Tầng 2, Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall Ocean City, Khu đô thị sinh thái Dream City, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Trung tâm mua sắm AEON - Tân Phú Celadon (PC), địa chỉ: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Trung Tâm Cao Ốc Phúc Hợp Nguyễn Kim, số 46 đường Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Sản xuất tại cơ sở sản xuất thuê:  
Công ty TNHH Thực phẩm Tổng hợp Kowa (Việt Nam), địa chỉ: Lô số D - 2, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm (nhãn dự thảo đính kèm)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Theo TCVN 12941:2020 Bánh dẻo cho các chỉ tiêu vi sinh.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**NGUYỄN THỊ DUY XUÂN**



## MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ THẢO

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất tại (\*):

### **BÁNH DẪO NHÂN CAO CẤP TRÂN CHÂU**

Thành phần: Nhân cao cấp trân châu (40%), nước đường bánh dẻo, bột nếp, dầu thực vật.

Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Năng lượng: 347 kcal; Chất đạm: 3,36 g; Carbohydrat: 61 g; Chất béo: 9,55 g; Natri: 102 mg; Đường tổng số: 36,2 g.

*Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 70% giá trị ghi trên nhãn.*

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì.

Lưu ý: Bên trong có gói hút oxy không ăn được.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nhiệt độ thường.

Khối lượng tịnh: g

NSX:

HSD: 7 ngày kể từ ngày sản xuất.



(\*) Mục "Sản xuất tại" trên nhãn sẽ ghi rõ tên và địa chỉ của cơ sở trực tiếp sản xuất sản phẩm, tương ứng với danh sách đã liệt kê tại Phần II mục 5.





AR-26-VD-201572-01 / EUVNHC-00452432- Trang : 1 / 3

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM**

Số 30 , Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2607290731-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00199854

Mã số Eol :

005-32410-866153

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

BÁNH DẪO NHÂN CAO CẤP TRẦN CHÂU

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

29/07/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/08/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

29/07/2026 - 04/08/2026

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM |        |                                               | ĐƠN VỊ      | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                    | KẾT QUẢ                       |
|-----|---------------------|--------|-----------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | VWCU1               | VW     | Tổng số bào tử nấm mốc                        | cfu/ g      | N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo.<br>AOAC 2014.05)                    | Không phát hiện<br>(LOD=10)   |
| 2   | VWL74               | VW     | Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)            | kcal/ 100 g | FAO 2003 77                                                        | 347                           |
| 3   | VW066               | VW (a) | Chất đạm                                      | g/ 100 g    | TCVN 10034:2013                                                    | 3.36                          |
| 4   | VWWS6               | VW     | Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)     | g/ 100 g    | FAO Food and Nutrition paper 77<br>Chapter 2/section 2.3:2003      | 61.0                          |
| 5   | VW081               | VW (a) | Chất béo                                      | g/ 100 g    | N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref.<br>TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017) | 9.55                          |
| 6   | VD157               | VD (a) | Xơ Dinh Dưỡng                                 | g/ 100 g    | AOAC 991.43                                                        | 1.66                          |
| 7   | VD6ZP               | VD (n) | Natri (Na)                                    | mg/ 100 g   | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC<br>969.23)                           | 102                           |
| 8   | VD4P0               | VD (a) | Fructose                                      | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo<br>AOAC 977.20)                      | 5.28                          |
| 9   | VD4P0               | VD (a) | Glucose                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo<br>AOAC 977.20)                      | 5.04                          |
| 10  | VD4P0               | VD (a) | Lactose                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo<br>AOAC 977.20)                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.15) |
| 11  | VD4P0               | VD (a) | Maltose                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo<br>AOAC 977.20)                      | Không phát hiện<br>(LOD=0.15) |
| 12  | VD4P0               | VD (a) | Sucrose                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo<br>AOAC 977.20)                      | 25.9                          |
| 13  | VD4P0               | VD (a) | Đường tổng                                    | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo<br>AOAC 977.20)                      | 36.2                          |
| 14  | VW012               | VW (a) | Tổng số vi sinh vật hiếu khí                  | cfu/ g      | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022                                         | 3.7x10 <sup>3</sup>           |
| 15  | VW031               | VW (a) | <i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase | cfu/ g      | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023                                        | Không phát hiện<br>(LOD=10)   |



AR-26-VD-201572-01 / EUVNHC-00452432- Trang : 2 / 3

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00199854

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                  | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                                                  | KẾT QUẢ                     |
|-----|--------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 16  | VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i> | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)                                                              | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 17  | VW01P VW (a) Zearalenon              | µg/ kg | EN 15850:2010                                                                                    | Không phát hiện (LOD=8)     |
| 18  | VW01Q VW (a) Deoxynivalenol          | µg/ kg | EN 15891:2010                                                                                    | Không phát hiện (LOD=70)    |
| 19  | VWHGN VW (a) Aflatoxin B1            | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 20  | VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng số       | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 21  | VW072 VW (a) Chì (Pb)                | mg/ kg | AOAC 2015.01                                                                                     | Không phát hiện (LOD=0.017) |
| 22  | VW073 VW (a) Cadimi (Cd)             | mg/ kg | AOAC 2015.01                                                                                     | Không phát hiện (LOD=0.01)  |
| 23  | VW067 VW (a) Ochratoxin A            | µg/ kg | N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)                                     | Không phát hiện (LOD=0.5)   |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 05/08/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 05/08/2026.



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (n): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238 và VLAT-1.1500.

